

Số : **4524** /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **29** tháng **9** năm **2011**

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng thành phố Hà Nội
đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND;

Căn cứ Nghị định 124/2007/NĐ-CP ngày 31/7/2007 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 7/9/2006 của Chính phủ về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định 04/2008/NĐ-CP ngày 11/1/2008 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 105/2008/QĐ-TTg ngày 21/7/2008 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm xi măng ở Việt Nam đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 152/2008/QĐ-TTg ngày 28/11/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng ở Việt Nam đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 121/2008/QĐ-TTg ngày 29/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 567/QĐ-TTg ngày 28/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển vật liệu xây không nung đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 6/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số 4447/TTr-SXD ngày 30/6/2011 của Sở Xây dựng về việc đề nghị phê duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số: 984/BC-KH&ĐT ngày 11/8/2011,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt dự án Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên dự án: Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

2. Phạm vi nghiên cứu: Toàn bộ địa giới hành chính thành phố Hà Nội.

3. Quan điểm và mục tiêu phát triển:

3.1. Quan điểm:

- Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch chung xây dựng Thủ đô, các quy hoạch ngành của Trung ương, Thành phố.

- Phát triển sản xuất vật liệu xây dựng đảm bảo tính bền vững, gắn hiệu quả kinh tế với hiệu quả xã hội, bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên, môi trường sinh thái, di tích văn hoá, lịch sử, cảnh quan, an ninh quốc phòng.

- Phát triển sản xuất với quy mô hợp lý, công nghệ sản xuất tiên tiến. Khuyến khích phát triển các công nghệ mới, công nghệ sạch, công nghệ làm giảm thiểu ô nhiễm môi trường, sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên.

- Đa dạng hoá các loại hình đầu tư thu hút mọi nguồn vốn vào phát triển sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng. Phân bố các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng xây dựng mới tập trung vào các khu công nghiệp, góp phần hình thành các trung tâm công nghiệp lớn của Thành phố trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội.

- Tập trung đầu tư chiều sâu công nghệ và phát triển sản xuất sản phẩm có thể mạnh là gạch gốm ốp lát, sứ vệ sinh, đá ốp lát nhân tạo, ngói nung trang trí, kính an toàn, vật liệu nhẹ, vật liệu cách âm cách nhiệt, vật liệu trang trí hoàn thiện, vật liệu composite. Chú trọng phát triển sản xuất các sản phẩm vật liệu xây dựng mới có chất lượng và giá trị gia tăng cao. Đồng thời phát triển các loại vật liệu xây dựng có nguồn nguyên liệu tại chỗ như xi măng, gạch, ngói, bê tông, đá xây dựng, gạch không nung đáp ứng một phần nhu cầu xây dựng của Thành phố.

- Tổ chức sắp xếp lại lực lượng sản xuất thủ công, tập trung thành các cơ sở có quy mô công nghiệp, tạo điều kiện cho các cơ sở chuyển đổi công nghệ, đầu tư thiết bị tiên tiến. Tiến tới xoá bỏ hoàn toàn sản xuất gạch ngói thủ công trên địa bàn thành phố vào năm 2012.

- Phân bố các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng hợp lý, di dời các cơ sở không còn phù hợp với quy hoạch chung của thành phố và không đảm bảo các điều kiện về môi trường.

3.2. Mục tiêu:

- Phát triển sản xuất vật liệu xây dựng, đáp ứng một phần nhu cầu vật liệu xây dựng của thành phố, cung cấp các sản phẩm vật liệu xây dựng có thể mạnh ra các tỉnh lân cận và xuất khẩu.

- Phát triển sản xuất vật liệu xây dựng, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá ngành công nghiệp vật liệu xây dựng, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế Thành phố.

- Phát triển sản xuất vật liệu xây dựng, thu hút lao động, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, cải thiện đời sống nhân dân.

- Nâng giá trị sản xuất ngành công nghiệp vật liệu xây dựng đến năm 2015 gấp 5 lần; năm 2020 gấp 6 lần so với hiện nay và giữ tỷ trọng khoảng 6% trong giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp trên địa bàn.

- Thu hút khoảng 12 nghìn lao động mới.

4. Phương án quy hoạch vật liệu xây dựng đến năm 2020:

4.1. Xi măng :

- Tiếp tục đầu tư phát huy công suất các cơ sở xi măng lò quay đã được quy hoạch trong giai đoạn trước năm 2010.

- Phát huy tối đa năng lực các cơ sở nghiền xi măng hiện có, đồng thời đầu tư chiều sâu công nghệ giải quyết ô nhiễm môi trường.

- Ngừng sản xuất xi măng công nghệ lò đứng vào năm 2015 và các trạm nghiền xi măng công suất nhỏ vào năm 2020 để đảm bảo môi trường, mang lại hiệu quả sản xuất.

Đến năm 2015, năng lực sản xuất xi măng của Thành phố đạt 2.550 ngàn tấn/năm, năm 2020 là 2.800 ngàn tấn/năm.

4.2. Vật liệu xây:

- Về công nghệ: Đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất gạch công nghệ lò tuynen hoặc sản xuất theo công nghệ tiên tiến khác với quy mô thích hợp ở những huyện có nguồn nguyên liệu đất sét bãi bồi ven sông. Tùy thuộc vào trữ lượng nguyên liệu và nhu cầu thị trường từng khu vực có thể lựa chọn công suất lớn từ 30-40 triệu viên/năm hoặc công suất trung bình từ 10-20 triệu viên/năm.

Đầu tư chiều sâu cải tiến công nghệ sản xuất gạch đất sét nung ở tất cả các cơ sở hiện có trên địa bàn.

- Về nguyên liệu: Khuyến khích việc sử dụng nguyên liệu là đất đồi và các loại đất ít hiệu quả trong nông nghiệp, phế thải xây dựng.

- Tổ chức sắp xếp lại các cơ sở sản xuất gạch lò đứng thủ công, chuyển sang sản xuất theo công nghệ tiên tiến như công nghệ lò tuynen, lò cải tiến có hệ thống xử lý khói thải hoặc các công nghệ khác tương đương và phải đảm bảo tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm, môi trường. Quy mô mỗi cơ sở khoảng 4 triệu viên/năm.

- Không đầu tư mới sản xuất gạch nung vào giai đoạn 2016-2020.

- Ngừng sản xuất gạch thủ công vào năm 2012. Riêng đối với vùng ven trung tâm thành phố phải ngừng sản xuất gạch thủ công vào năm 2011.

- Đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất gạch không nung theo công nghệ tiên tiến từ nguyên liệu xi măng, đá mặt, cát, đất đồi, phế thải xây dựng; đồng thời phát triển sản xuất các loại vật liệu nhẹ theo tinh thần của Quyết định số 567/QĐ-TTg ngày 28/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển vật liệu xây không nung đến năm 2020. Đưa tỷ lệ gạch không nung lên khoảng 40% vào năm 2015 và 60% vào năm 2020 trong tổng sản lượng vật liệu xây.

Đến năm 2015, năng lực sản xuất vật liệu xây của Thành phố đạt 2.108 triệu viên/năm, năm 2020 đạt 3.038 triệu viên/năm.

4.3. Vật liệu lợp:

- Phát triển các loại ngói tráng men, ngói trang trí chất lượng cao có giá trị kinh tế, ngói cổ phục vụ cho xây dựng các công trình đặc thù.

- Tiếp tục phát triển sản xuất các loại ngói không nung có màu, sản xuất trên dây chuyền công nghệ, thiết bị hiện đại. Mỗi cơ sở có công suất nhỏ 0,2 triệu m²/năm, công suất lớn 1,5 triệu m²/năm.

- Không phát triển sản xuất tấm lợp amiăng – xi măng, các cơ sở sản xuất hiện có chuyển đổi sang sử dụng nguyên liệu không amiăng.

- Phát triển đa dạng các loại tấm lợp composite, tấm lợp polycarbonate, tấm lợp polycarbonate hợp kim nhôm, tấm lợp từ sợi hữu cơ và bi tum, tấm lợp acrylic,... Công suất mỗi cơ sở 0,5 triệu m²/năm.

- Đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất tấm lợp kim loại, tấm lợp cách âm, cách nhiệt phục vụ cho xây dựng nhà ở, nhà xưởng và chống thấm cho nhà mái bằng. Công suất mỗi cơ sở 2 triệu m²/năm.

Đến năm 2015, năng lực sản xuất vật liệu lợp của Thành phố đạt 32,4 triệu m²/năm, năm 2020 là 26,7 triệu m²/năm .

4.4.Đá xây dựng:

- Tập trung khai thác đá xây dựng tại các mỏ đá thuộc các huyện: Ba Vì, Thạch Thất, Mỹ Đức và Quốc Oai. Công suất mỗi cơ sở trên 100.000 m³/năm.

- Các cơ sở khai thác cần đầu tư dây chuyền chế biến hiện đại; có phương án sử dụng mặt đá để sản xuất các loại vật liệu khác, tận dụng tài nguyên, giảm ô nhiễm môi trường.

Năng lực khai thác đá xây dựng đến năm 2015 là 3.695.000 m³/năm; năm 2020 là 4.695.000 m³/năm.

4.5. Cát xây dựng:

- Tổ chức sắp xếp lại sản xuất để hình thành các cơ sở khai thác cát trên sông Hồng, sông Đà, sông Cà Lồ, sông Công, sông Cầu,... nhằm giải quyết nhu cầu cát xây trát và san lấp cho Thành phố.

- Xây dựng kế hoạch thăm dò và quy hoạch mỏ khai thác cho các đơn vị có năng lực để đảm bảo khai thác có hiệu quả.

- Khai thác cát phải đảm bảo hành lang an toàn đối với luồng tàu và công trình báo hiệu đường thủy, công trình chỉnh trị đê điều.

- Đầu tư các cơ sở khai thác cát có quy mô công suất trên 200.000 m³/năm tại các huyện Ba Vì, Phúc Thọ, Đan Phượng, Thường Tín, Phú Xuyên, Mê Linh, Thanh Trì, Đông Anh, Từ Liêm, Sóc Sơn.

Đưa năng lực khai thác cát xây dựng của Thành phố đến năm 2015 lên 7,6 triệu m³/năm và 10,8 triệu m³/năm vào năm 2020.

4.6. Đá ốp lát:

- Đầu tư nâng công suất đá ốp lát nhân tạo lên 5 triệu m²/năm.

- Đầu tư chiều sâu công nghệ nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa chủng loại, phát huy hết công suất của các cơ sở gia công và chế biến đá ốp lát hiện có.

4.7. Gạch ốp lát và sứ vệ sinh:

- Đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm, tiết kiệm nguyên nhiên liệu, hạ giá thành sản phẩm và đảm bảo tiêu chuẩn môi trường. Nghiên cứu và đưa vào thực tế sản xuất công nghệ mới, công nghệ nano trong sản xuất sản phẩm.

Năng lực sản xuất năm 2020 đối với gạch gốm ốp lát là 5.500.000 m²/năm và sứ vệ sinh là 2.250.000 sản phẩm/năm;

4.8. Bê tông:

- Đầu tư chiều sâu để nâng cao năng lực sản xuất và đa dạng hoá sản phẩm đối với các nhà máy bê tông hiện có.

- Bố trí các cơ sở sản xuất cấu kiện bê tông và bê tông thương phẩm vào khu công nghiệp; tạo điều kiện thuận lợi cho việc cung ứng, đảm bảo môi trường đô thị.

Đến năm 2015, năng lực sản xuất bê tông cấu kiện là 320.000 m³/năm và năm 2020 là 570.000 m³/năm; bê tông tươi là 3,5 – 4,5 triệu m³/năm.

4.9. Gạch lát bê tông:

Đầu tư mới các cơ sở gạch lát bê tông tự chèn và terrazzo với công suất 150 ngàn m²/năm mỗi cơ sở, tại các khu đô thị, khu công nghiệp. Năng lực sản

xuất gạch lát bê tông của Thành phố năm 2015 là 12.350.000 m²/năm và vào năm 2020 là 13.100.000 m²/năm.

4.10. Kính an toàn:

Đầu tư công nghệ sản xuất khung nhôm, kính hộp cách âm và cách nhiệt công suất tăng thêm là 500.000 m²/năm vào năm 2020.

4.11. Vữa trộn sẵn:

Đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất vữa trộn sẵn với qui mô 50.000 tấn/năm trong giai đoạn 2010 – 2015 và mở rộng sản xuất trong giai đoạn 2016 – 2020. Năng lực sản xuất vữa khô trộn sẵn năm 2015 là 280.000 tấn/năm, năm 2020 là 580.000 tấn/năm.

4.12. Tấm ốp nhôm nhựa :

Đầu tư mới cơ sở sản xuất tấm ốp nhôm nhựa công suất 2 triệu m²/năm. Nâng công suất tấm ốp nhôm nhựa lên 6 triệu m²/năm vào năm 2020.

4.13. Tấm tường và vách ngăn thạch cao:

Đầu tư xây dựng một cơ sở sản xuất tấm tường và vách ngăn thạch cao chịu nước, cách âm, cách nhiệt để phục vụ cho nhu cầu xây dựng với công suất 5 triệu m²/năm trong giai đoạn 2011 - 2015. Năng lực sản xuất tấm trần vách ngăn thạch cao của Thành phố đến năm 2015 là 10 triệu m²/năm và năm 2020 là 20 triệu m²/năm.

4.14. Tấm trần, tấm sàn, vách ngăn sợi xenlulô:

Đầu tư xây dựng một cơ sở tấm sợi xenlulô công suất 3 triệu m²/năm vào giai đoạn 2011-2015 và nâng công suất lên 6 triệu m²/năm vào năm 2020.

4.15. Sợi thủy tinh:

Đầu tư xây dựng một cơ sở sản xuất sợi thủy tinh công suất 6.000 tấn/năm vào giai đoạn 2011-2015 và nâng công suất lên 12.000 tấn/năm vào năm 2020.

4.16. Khai thác và chế biến cao lanh, đất sét trắng:

Đầu tư khai thác và chế biến cao lanh, đất sét trắng tại huyện Sóc Sơn. Năng lực khai thác cao lanh và đất sét trắng năm 2015 là 120.000 tấn/năm, năm 2020 là 170.000 tấn/năm.

5. Định hướng phát triển vật liệu xây dựng đến năm 2030:

5.1. Về chủng loại sản phẩm:

Các chủng loại vật liệu xây dựng thông dụng sẽ tiếp tục được sản xuất trên cơ sở nâng cấp về công nghệ để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Phát triển nhiều chủng loại vật liệu thay thế có phẩm cấp ưu việt hơn, đảm bảo tiết kiệm trong việc sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu trong sản xuất. Các vật liệu cao cấp sẽ được đầu tư chiều sâu để cải thiện về chất lượng, mẫu mã. Các loại vật liệu mới nhất là các loại vật liệu hữu cơ xây dựng; các loại vật liệu thông minh dùng trong xây dựng.

5.2. Về phân bố sản xuất:

Tập trung chủ yếu ở các khu, cụm công nghiệp đối với các sản phẩm VLXD cao cấp, vật liệu xây dựng mới để tiện việc tiêu thụ trên thị trường. Các sản phẩm VLXD thông dụng sẽ phân bố hợp lý trên địa bàn, hạn chế phí lưu thông, giảm giá thành sản phẩm, tăng sức tiêu thụ tại chỗ và tăng khả năng cạnh tranh cho sản phẩm trên thị trường trong vùng.

5.3. Về tổ chức sản xuất:

Phát triển theo hướng tập trung, hình thành các cơ sở sản xuất chuyên sâu vào một sản phẩm vật liệu xây dựng hoặc sản xuất đa ngành nghề bao gồm nhiều chủng loại sản phẩm, rút gọn đầu mối, làm tốt công tác quản lý và nâng cao hiệu quả sản xuất và kinh doanh của các chủ thể sản xuất.

6. Các giải pháp cơ bản:

6.1. Xây dựng cơ chế thu hút đầu tư phục vụ cho việc phát triển sản xuất vật liệu xây dựng.

6.2. Xây dựng các chính sách hỗ trợ công nghiệp vật liệu xây dựng.

6.3. Đẩy mạnh công tác chuẩn bị đầu tư và điều tra cơ bản để phục vụ yêu cầu phát triển vật liệu xây dựng.

6.4. Đẩy mạnh đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật ngành vật liệu xây dựng phục vụ cho nhu cầu phát triển và nghiên cứu vật liệu xây dựng.

6.5. Đẩy mạnh liên doanh, liên kết giữa Hà Nội với các tỉnh và các nhà đầu tư nước ngoài để phát triển sản xuất, mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu.

6.6. Huy động mọi tiềm năng khoa học và công nghệ trên địa bàn phục vụ cho sự phát triển vật liệu xây dựng.

6.7. Các giải pháp về phục hồi môi trường, phát triển bền vững.

(Chi tiết nội dung quy hoạch có báo cáo lồng hợp kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm:

- Công bố và phổ biến rộng rãi quy hoạch.

- Tổ chức hướng dẫn các địa phương, trình UBND Thành phố các dự án sản xuất VLXD triển khai phát triển theo định hướng quy hoạch đã được phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tuyên truyền về hiệu quả kinh tế kỹ thuật trong sử dụng các sản phẩm mới.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra các doanh nghiệp có tham gia hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng (sét gạch ngói, cát xây dựng, cao lanh...), xử lý các đơn vị sản xuất vi

phạm luật đất đai, luật khoáng sản và các quy định về giữ gìn vệ sinh môi trường.

- Điều chỉnh quy hoạch kịp thời, đồng thời, đề xuất và tổ chức triển khai nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển sản xuất vật liệu xây dựng đạt hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

- Chủ trì chỉ đạo và thực hiện lộ trình xoá bỏ sản xuất gạch nung thủ công gây ô nhiễm môi trường theo đúng quy định vào năm 2012.

2. Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp chặt chẽ với Sở Xây dựng trong quá trình triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên & Môi trường, Quy hoạch - Kiến trúc; thủ trưởng các cơ quan ban, ngành thuộc UBND Thành phố, Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực UBND; (đề b/c)
- Đ/c Chủ tịch UBND TP;
- Đ/c PCT UBND Nguyễn Văn Khôi;
- Các PCT UBND Thành phố;
- VPUBTP: CVP Nguyễn Thịnh Thành,
PVP Nguyễn Văn Thịnh;
Các phòng: TH, GT, XD,
TNMT, NNPTNT;
- Lưu VT, (KHĐT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Khôi

PHỤ LỤC:

**Tổng hợp dự án quy hoạch sản xuất vật liệu xây dựng
ưu tiên đầu tư giai đoạn 2011-2020**

(Kèm theo Quyết định số 4524 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2011
của UBND thành phố Hà Nội)

TT	Dự án
1	- Nhà máy gạch tuynen Tam Thuận, Phúc Thọ
2	- Nhà máy gạch tuynen Tráng Việt, Mê Linh
3	- Nhà máy gạch tuynen Hoàng Văn Thụ, Chương Mỹ
4	- Nhà máy gạch tuynen Đại Yên, Chương Mỹ
5	- Nhà máy gạch tuynen Bắc Sơn, Sóc Sơn
6	- Nhà máy gạch tuynen Tân Minh, Sóc Sơn
7	- Nhà máy gạch tuynen Trung Châu, Đan Phượng
8	- Nhà máy gạch tuynen Phú Châu, Ba Vì
9	- Nhà máy gạch tuynen Hồng Kỳ, Sóc Sơn
10	- Nhà máy gạch tuynen Quang Lăng, Hồng Thái, Phú Xuyên
11	- Nhà máy gạch tuynen Vân Tào, Thường Tín
12	- Nhà máy gạch tuynen Hoà Lâm, Ứng Hoà
13	- GKN tại cụm công nghiệp Phúc Thọ
14	- GKN tại TT Xuân Mai, Chương Mỹ
15	- GKN xã Kim Đường, Ứng Hoà
16	- GKN Cụm công nghiệp Vân Đình
17	- GKN tại huyện Phú Xuyên
18	- GKN Công ty VL và XD Đại La
19	- Gạch nhẹ tại xã Thụy An, Ba Vì
20	- Gạch nhẹ TT Chi Đông, Mê Linh
21	- Gạch nhẹ tại Kiêu Kỳ, Gia Lâm
22	- Gạch nhẹ tại TT Xuân Mai, Chương Mỹ
23	- Gạch nhẹ tại Hồng Quang, Ứng Hoà
24	- Gạch nhẹ tại CCN Cam Thượng, Ba Vì
25	- Gạch nhẹ tại Bình Minh, Thanh Oai
26	- Gạch nhẹ tại KCN Phú Nghĩa, Chương Mỹ
27	- Gạch nhẹ tại huyện Quốc Oai
28	- Gạch nhẹ tại huyện Mê Linh
29	- Gạch nhẹ tại huyện Đông Anh
30	- GKN xã Đông Trú, Thạch Thất



31	- Tấm lợp kim loại 3 lớp tại huyện Chương Mỹ
32	- Tấm lợp poly carbonat tại huyện Đông Anh
33	- Tấm lợp poly carbonat tại huyện Thanh Trì
34	- Bê tông cầu kiện tại KCN Bắc Thường Tín (Thường Tín).
35	- Bê tông cầu kiện tại KCN Phúc Thọ (Phúc Thọ)
36	- Bê tông cầu kiện tại KCN Khu Cháy (Ứng Hoà)
37	- Bê tông cầu kiện tại KCN Thanh Oai I (Thanh Oai)
38	- Bê tông cầu kiện tại KCN Nam Phú Cát (Quốc Oai)
39	- Đầu tư mới terrazzo tại các KCN: Bắc Thường Tín, Phúc Thọ, Khu Cháy, Thanh Oai I, Nam Phú Cát
40	- Các cơ sở đầu tư mới vừa khô tại các KCN: Bắc Thường Tín, Phúc Thọ, Khu Cháy, Thanh Oai I, Nam Phú Cát
41	- Đầu tư mới tấm ốp nhôm nhựa: KCN Bắc Thường Tín, Phú Nghĩa
42	- Đầu tư mới tấm trần thạch cao: KCN Bắc Thường Tín, Quang Minh
43	- Đầu tư mới tấm trần sợi xenlulo tại KCN Nam Tiến Xuân
44	- Sợi thủy tinh đầu tư mới KCN Bắc Thường Tín

Ghi chú: Quy mô, công suất, tổng vốn đầu tư của các dự án sẽ được cụ thể hoá trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

